

TỔNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ Độc lập- Tự do- Hạnh phúc
TỈNH CÀ MAU

Số: 225/QĐ-CTHADS

Cà Mau, ngày 05 tháng 9 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai giao điều chỉnh, bổ sung dự toán
chi ngân sách nhà nước năm 2022**

CỤC TRƯỞNG CỤC THI HÀNH ÁN DÂN SỰ

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2019/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 223/QĐ-CTHADS ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Cục trưởng Cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau (theo phụ lục đính kèm Quyết định này).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, các Chi cục THADS trực thuộc Cục có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này. / *Kham*

Nơi nhận:

- Tổng cục THADS (báo cáo);
- Trang Thông tin của Cục (thông báo);
- Niêm yết trụ sở Cục;
- Lưu: VT, KTNS.



Huỳnh Hoàng Khâm

Biểu số 01 - Ban hành kèm theo Thông tư 90 ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính

CỤC THỊ HÀNH AN DÂN SỰ TỈNH CÀ MAU

CHI TIẾT ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2022

Kèm theo Quyết định số 225/QĐ-CTHADS ngày 05/9/2022

Đvt: 1.000 đ

STT	Nội dung	Tổng số tiền	VP Cục THA tỉnh	CC. THADS Tp Cà Mau	CC. THADS U Minh	CC. THADS T. Bình	CC. THADS C. Nước	CC. THADS T.V.T	CC. THADS Ngọc Hiển	CC. THADS Năm Căn	CC. THADS Phú Tân	CC. THADS Đ. Dơi
A	B	1=(2:11)	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
A	SỐ THU, CHI NGÂN SÁCH VỀ PHÍ, LỆ PHÍ											
1	Số thu phí, lệ phí											
2	Chi từ nguồn phí, lệ phí được để lại (bao gồm số được sử dụng tại đơn vị và số nộp về Tổng cục)											
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN											
B	DỰ TOÁN CHI NSNN											
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 KHOẢN 341)	2.792.050	1.385.030	113.460	80.270	192.750	168.700	168.170	79.750	93.950	80.270	429.700
1	KP thực hiện tự chủ I=(1:9)-(10:12)	260.750	70.860	9.930	18.830	31.150	16.780	16.090	18.150	32.350	18.830	27.780
	Mua sắm tài sản chuyên dùng	250.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000	25.000
	Hỗ trợ quản lý ngành	63.670	63.670	0	0	0	0	0	0	0	0	0
	Thuê kho, thuê trụ sở, trông giữ tang vật	38.200	0	0	0	13.000	0	0	0	14.200	0	11.000
	* Các khoản trừ của Tổng Cục	-91.120	-17.810	-15.070	-6.170	-6.850	-8.220	-8.910	-6.850	-6.850	-6.170	-8.220
	Kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên theo định mức đề CCTL	-91.120	-17.810	-15.070	-6.170	-6.850	-8.220	-8.910	-6.850	-6.850	-6.170	-8.220
2	KP không thực hiện tự chủ	2.531.300	1.314.170	103.530	61.440	161.600	151.920	152.080	61.600	61.600	61.440	401.920
	Kinh phí mua sắm tài sản theo đề án	2.510.000	1.310.000	100.000	60.000	160.000	150.000	150.000	60.000	60.000	60.000	400.000
	Kinh phí tiết kiệm để cải cách tiền lương	21.300	4.170	3.530	1.440	1.600	1.920	2.080	1.600	1.600	1.440	
II	Kinh phí đào tạo giao không thực hiện tự chủ (Loại 070-Khoản 085)	30.400	27.900	0	0	0	2.500	0	0	0	0	0

